

QUYẾT ĐỊNH

v/v: Ban hành Quy trình báo cáo và công bố thông tin

TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần chứng khoán IB.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Ban hành Quy trình báo cáo và công bố thông tin (mã số QT-305).
- Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3:** Các Ông/bà thành viên Ban điều hành và các cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu VP.



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN HẠNH

QUY TRÌNH BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

MÃ SỐ : QT-305
LẦN BAN HÀNH/SỬA ĐỔI : 01/00
NGÀY BAN HÀNH : 30/09/2016
NGÀY SỬA ĐỔI GẦN NHẤT :/...../20.....
TỔNG SỐ TRANG : 10

	Soạn thảo	Kiểm tra	Phê duyệt
Họ và tên	DƯ VĂN TOÀN	NGUYỄN ANH TUẤN	NGUYỄN VĂN HẠNH
Vị trí	TRƯỞNG BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ	THÀNH VIÊN TIỂU BAN QTRR	TỔNG GIÁM ĐỐC
Ký tên			 

1. MỤC ĐÍCH

Quy định thống nhất về hoạt động công bố thông tin theo quy định pháp luật trong toàn bộ hệ thống Công ty CP Chứng khoán IB;

Quy định cụ thể trách nhiệm, công tác phối hợp giữa các đơn vị, bộ phận nhằm đảm bảo việc công bố thông tin của Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này được áp dụng trên toàn hệ thống của Công ty CP Chứng khoán IB và chỉ áp dụng đối với những tài liệu phải công bố thông tin theo quy định pháp luật và các loại báo cáo được gửi qua cổng công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

Các báo cáo được gửi qua cổng công bố thông tin bao gồm:

- Báo cáo hoạt động tháng.
- Báo cáo thay đổi chứng chỉ hành nghề,
- Báo cáo tiền gửi hàng tuần.
- Báo cáo theo yêu cầu của UBCK.

Các nội dung phải CBTT định kỳ bao gồm:

- Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất (quý, bán niên, cả năm) và văn bản giải trình (nếu có),
- Báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính (bán niên, cả năm)
- Báo cáo thường niên (hàng năm),
- Báo cáo tình hình quản trị công ty (bán niên, cả năm),
- Hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn

Các nội dung phải CBTT bất thường bao gồm:

- Thay đổi giấy phép kinh doanh,
- Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ,
- Văn bản hợp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản đại hội đồng cổ đông (thường niên, bất thường, lấy ý kiến bằng văn bản): tài liệu hợp, biên bản, nghị quyết hợp,
- Quyết định của HĐQT, ĐHCĐ thông qua hợp đồng, giao dịch của người có liên quan.
- Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.
- Các sự kiện khác theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với những Báo cáo liên quan đến hoạt động chuyên môn của từng Khối/Phòng/Ban mà không thuộc diện phải công bố thông tin, phát sinh từ đơn vị nào, đơn vị đó có trách nhiệm chủ động lập báo cáo và trình người có thẩm quyền phê duyệt trước khi gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và luật sửa đổi bổ sung Luật chứng khoán số 62/2010/QH12;

Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán có hiệu lực từ ngày 15/01/2013 (Sau đây gọi tắt là **TT210**);

Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

Thông tư số 155/2015/TT-BTC về việc hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán ngày 06/10/2015 (Sau đây gọi tắt là **TT155**);

Thông tư 121

Các quy định khác về chứng khoán.

4. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT

4.1. Các từ viết tắt

Công ty/IBSC	: Công ty Cổ phần Chứng khoán IB.
CBTT	: Công bố thông tin
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	: Sở giao dịch Chứng khoán
TTLKCK/VSD	: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
CTĐC	: Công ty đại chúng
CTĐCQML	: Công ty đại chúng quy mô lớn
TCNY	: Tổ chức niêm yết
HĐQT	: Hội đồng quản trị
TGD	: Tổng Giám đốc
CBNV	: Cán bộ nhân viên
ĐVB	: Đơn vị, bộ phận
CTCK	: Công ty Chứng khoán
CTQLQ	: Công ty Quản lý Quỹ
TCKT/CTKT	: Tổ chức kiểm toán/Công ty kiểm toán
BC	: Báo cáo
BCKT	: Báo cáo kiểm toán
BCTC	: Báo cáo tài chính
TLVKD	: Tỷ lệ vốn khả dụng
TTĐC	: Thông tin đại chúng
TCPHTPRCC	: Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng
UBGSTCQG	: Ủy ban giám sát tài chính quốc gia
CCQ	: Chứng chỉ quỹ
HSX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
GD	: Giao dịch

4.2. Nguyên tắc công bố thông tin

Việc CBTT phải đảm bảo tính chính xác, kịp thời và đảm bảo tuân thủ về nội dung theo yêu cầu của quy định pháp luật và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

a. Người ký văn bản CBTT

Văn bản CBTT phải do người có thẩm quyền CBTT ký. Người có thẩm quyền ký văn bản CBTT:

- Người đại diện theo pháp luật của IBSC; hoặc

Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các kết luận về nội dung thông tin trong tài liệu CBTT sau khi thực hiện công việc kiểm tra.

Người công bố Thông tin:

Chịu trách nhiệm cập nhật và thông báo về địa chỉ email tiếp nhận CBTT của các cơ quan quản lý.

Quản lý cổng công bố thông tin của IBSC (info@ibsc.vn) bao gồm thông tin đi và thông tin đến. Quản lý token cổng thông tin của UBCKNN, các sở giao dịch chứng khoán, đảm bảo các token phải được sử dụng đúng mục đích bởi cá nhân có thẩm quyền đã được TGD chấp thuận; thực hiện việc nhập dữ liệu trực tiếp vào hệ thống của cơ quan quản lý.

Kiểm soát bộ nhận diện thương hiệu của IBSC trong các tài liệu CBTT trước khi CBTT ra ngoài.

Đảm bảo việc gửi dữ liệu điện tử qua email CBTT/công bố trên website/email nội bộ/phương tiện TTĐC khác đúng thời hạn quy định.

Quản lý token cổng thông tin UBCKNN, HNX, HSX; đảm bảo các token này chỉ được sử dụng vào mục đích duy nhất là Báo cáo và Công bố nội dung các thông tin được hướng dẫn cụ thể tại Mục VIII của Quy trình này.

Yêu cầu các đơn vị, khối/phòng ban trong việc gửi thông tin cần công bố chính xác và kịp thời để đảm bảo việc CBTT của Công ty ra bên ngoài được đúng quy định.

Báo cáo HĐQT, Ban điều hành trước khi tiến hành công bố các thông tin bất thường ra bên ngoài.

Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Công ty.

Phòng hành chính

Chịu trách nhiệm bảo quản và lưu trữ bản in gốc của các tài liệu CBTT ngoại trừ Báo cáo tài chính năm, Quý, tháng, Bán niên, BC TLVKD thuộc trách nhiệm của TCKT.

Phòng tài chính kế toán

Chịu trách nhiệm bảo quản và lưu trữ bản cứng của các Báo cáo tài chính năm, Quý, tháng, Bán niên, BC TLVKD.

Phòng CNTT (IT)

Chịu trách nhiệm lưu giữ các dữ liệu điện tử, dữ liệu trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định của Quy trình này.

4.4. Phân công công việc giữa các đơn vị trong công ty

Tên tài liệu, báo cáo phải CBTT, gửi báo cáo	Đơn vị cung cấp thông tin	Đơn vị đầu mối	Lưu trữ (bản gốc)
Báo cáo gửi qua cổng công bố thông tin	Các phòng có liên quan	Kiểm soát nội bộ	Kiểm soát nội bộ
Báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính		Tài chính Kế toán	Tài chính Kế toán
Báo cáo thường niên	Các phòng có liên quan	Kiểm soát nội bộ	Thư ký HĐQT
Báo cáo tình hình quản trị công ty	Các phòng có liên quan	Thư ký HĐQT	Thư ký HĐQT

- Người được ủy quyền CBTT theo quy định của pháp luật.

Khi thay đổi người được ủy quyền CBTT thì người được ủy quyền mới có trách nhiệm làm thủ tục thay đổi người được ủy quyền CBTT theo quy định tại Thông tư 155.

b. Phương tiện CBTT

Việc CBTT được thực hiện qua các phương tiện CBTT sau:

- Trang thông tin điện tử (website) của IBSC: theo đường dẫn \\Quan hệ cổ đông\Báo cáo IBSC\ đối với các báo cáo phải thực hiện CBTT và theo đường dẫn \\Quan hệ cổ đông\Công bố thông tin đối với các thông tin phải công bố còn lại.
- Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN: qua phần mềm CSMS và gửi bản in cho UBCKNN
- Trang thông tin điện tử của HNX: qua CIMS và gửi bản in cho HNX
- Trang thông tin điện tử của: gửi email và gửi bản in cho HNX.

Địa chỉ e-mail chính thức của Công ty dùng để gửi tài liệu CBTT bằng dữ liệu điện tử đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền: info@ibsc.vn

c. Công bố thông tin cá nhân của các đối tượng phải CBTT:

Khi CBTT liên quan đến: Số CMND, thẻ căn cước công dân, hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, tài khoản giao dịch chứng khoán, tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện khi chủ thẻ liên quan đồng ý.

Trường hợp chủ thẻ không đồng ý hoặc không muốn công khai các thông tin cá nhân nói trên thì phải gửi UBCKNN và các Sở GD&ĐT bản tài liệu: Một bản đầy đủ các thông tin cá nhân theo quy định, một bản không bao gồm các thông tin cá nhân để UBCKNN và các Sở GD&ĐT thực hiện CBTT.

4.3. Trách nhiệm của các đơn vị

Đơn vị cung cấp thông tin

- Cung cấp thông tin theo đúng nội dung và thời hạn theo yêu cầu của Đơn vị đầu mối.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung thông tin đã cung cấp

Đơn vị đầu mối

- Là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng tài liệu CBTT để tiến hành CBTT theo phân công và theo các bước trong Quy trình này.
- Yêu cầu các đơn vị đầu mối cung cấp thông tin phải cung cấp nội dung thông tin đầy đủ, đúng hạn và chính xác.
- Hoàn thiện tài liệu CBTT và gửi tới Người CBTT hoặc các Đơn vị liên quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đúng thời hạn.
- Chịu trách nhiệm giải trình khi có yêu cầu từ phía cơ quan quản lý yêu cầu CBTT.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung các thông tin trong tài liệu CBTT mà mình trực tiếp soạn thảo.

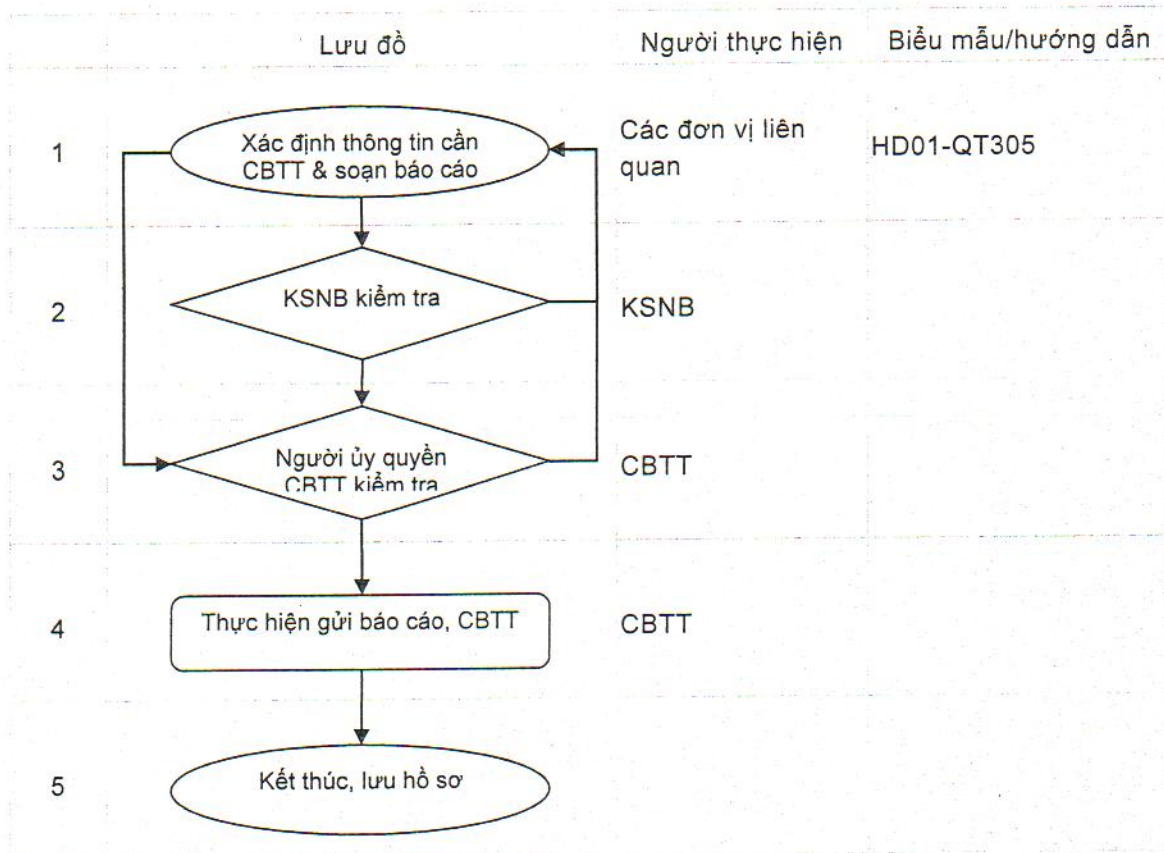
Kiểm soát nội bộ

Chịu trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện công tác kiểm tra một cách chính xác, trung thực và cẩn trọng tài liệu CBTT từ **Đơn vị đầu mối** trước khi gửi thông báo phản hồi cho Đơn vị đầu mối đúng thời hạn quy định. Việc xác định các tài liệu CBTT nào phải qua kiểm tra của KSNB được quy định cụ thể tại **Hướng dẫn HD01-QT305**.

Hoạt động chào bán (cổ phiếu, trái phiếu của công ty) và báo cáo sử dụng vốn		Khối IB	Khối IB
Thay đổi giấy phép kinh doanh		Hành chính nhân sự	Hành chính nhân sự
Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ		Thư ký HĐQT Hành chính nhân sự	Thư ký HĐQT Hành chính nhân sự
Văn bản đại hội cổ đông		Thư ký HĐQT	Thư ký HĐQT
Nghị quyết HĐQT		Thư ký HĐQT	Thư ký HĐQT
Quyết định của TGD		Phòng Hành chính Nhân sự	Phòng Hành chính Nhân sự
Các sự kiện còn lại	Các phòng có liên quan	Các phòng có liên quan	Các phòng có liên quan

5. NỘI DUNG

5.1. Lưu đồ



5.2. Mô tả lưu đồ

5.2.1. Xác định thông tin cần công bố và soạn thảo báo cáo, tài liệu CBTT

Ngay khi phát sinh các báo cáo hoặc thông tin cần công bố, Đơn vị đầu mối có trách nhiệm soạn thảo báo cáo, tài liệu CBTT theo mẫu biểu quy định hoặc theo nội dung được yêu cầu. Sau khi soạn thảo Dự thảo tài liệu CBTT, Đơn vị đầu mối có trách nhiệm gửi Kiểm soát nội bộ và Người công bố thông tin theo đúng thời hạn và trình tự được quy định tại các Bước tiếp theo cụ thể như sau:

- Tất cả các báo cáo, tài liệu công bố thông tin được đánh dấu * trong Hướng dẫn HD01-QT305 sẽ phải gửi về Phòng KSNB để soát xét.
- Các báo cáo, tài liệu công bố thông tin còn lại thì phải gửi về Người ủy quyền công bố thông tin.
- Các báo cáo, tài liệu không nằm trong danh sách thì các đơn vị gửi về Phòng Pháp chế để tổng hợp để xin ý người đại diện pháp luật để lấy ý kiến thực hiện.

5.2.2. Kiểm tra, kết luận của Kiểm soát nội bộ

Các Đơn vị đầu mối có trách nhiệm gửi dự thảo tài liệu CBTT tới Phòng Kiểm soát nội bộ để kiểm tra sau khi đã hoàn thành việc soạn thảo. Thời hạn gửi Tài liệu CBTT tới Phòng Kiểm soát nội bộ là trước 02 (hai) ngày làm việc tính theo hạn gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các tổ chức liên quan. Riêng đối với Báo cáo số dư tiền của Nhà đầu tư tại Hướng dẫn HD01-QT305 thì thời hạn gửi Kiểm soát nội bộ là trước 15h ngày Thứ Hai đầu tuần tiếp theo.

Sau khi tiếp nhận báo cáo, tài liệu CBTT từ Đơn vị đầu mối, Kiểm soát nội bộ tiến hành công tác kiểm tra, đưa ra các kết luận về nội dung thông tin trong Dự thảo và thông báo kết luận kiểm tra tới Đơn vị đầu mối. Công tác kiểm tra phải đảm bảo tính chính xác, trung thực, cẩn trọng và kịp thời nhằm đảm bảo tài liệu CBTT được gửi đến cơ quan có thẩm quyền đúng thời hạn.

Trường hợp hai bên thống nhất ý kiến về nội dung báo cáo, công bố thông tin trong tài liệu, Đơn vị đầu mối trình Phê duyệt và ký văn bản, tài liệu CBTT.

Trường hợp hai bên không thống nhất được về nội dung báo cáo, công bố thông tin trong tài liệu, Đơn vị đầu mối lập Báo cáo ý kiến không thống nhất và gửi kèm theo tài liệu như sau:

- Các báo cáo thuộc thẩm quyền của TGD sẽ gửi cho TGD để lấy ý kiến;
- Các báo cáo thuộc thẩm quyền của HĐQT sẽ gửi Chủ tịch HĐQT để lấy ý kiến.
- Các tài liệu thuộc thẩm quyền của Người đại diện pháp luật sẽ gửi Người đại diện pháp luật để lấy ý kiến.

Báo cáo, tài liệu CBTT được gửi về Người ủy quyền CBTT dưới dạng sau:

- Bản gốc để gửi đi: số lượng sẽ do Người ủy quyền CBTT yêu cầu.
- Bản scan: gửi qua email.

Thời hạn gửi báo cáo, tài liệu CBTT được quy định như sau:

- Báo cáo: Báo cáo số dư tiền của Nhà đầu tư (trong Hướng dẫn HD01-QT305), thời hạn là trước 15h ngày thứ hai đầu tuần tiếp theo.
- Đối với tài liệu CBTT định kỳ: thời hạn gửi cho Người công bố Thông tin là trước **01 ngày làm việc** tính theo hạn gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức liên quan ngoại trừ:
 - Báo cáo tài chính bán niên đã soát xét (mục 1.2 Phần VIII Nội dung CBTT), thời hạn là trước **02 ngày làm việc** theo hạn quy định.
 - Báo cáo quản trị Công ty bán niên và hằng năm (mục 8 Phần VIII Nội dung CBTT), Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán (mục 1.1 Phần VIII Nội dung CBTT), Báo cáo thường niên (mục 3 Phần VIII Nội dung CBTT), thời hạn là trước **03 ngày làm việc** theo hạn quy định.
- Đối với tài liệu CBTT bất thường hoặc theo yêu cầu, Đơn vị đầu mối chủ động soạn thảo trình phê duyệt/ký/đóng dấu và gửi Người công bố thông tin trước hạn gửi cho cơ quan có thẩm

quyền/đơn vị liên quan/thông báo nội bộ một khoảng thời gian không muộn hơn **1/2 ngày làm việc** tính đến thời hạn chốt theo luật định.

5.2.3. *Phê duyệt CBTT*

Sau khi hoàn thiện tài liệu CBTT, Đơn vị đầu mối sẽ chuyển Người được ủy quyền CBTT để thực hiện CBTT. Người trong trường hợp các tài liệu, sự kiện không được ghi trong Hướng dẫn HD01-QT305, tùy theo tính chất của sự việc, Người ủy quyền CBTT sẽ xin ý kiến của Người đại diện pháp luật để lấy ý kiến.

Trường hợp không được phê duyệt, tài liệu CBTT được trả lại cho Đơn vị đầu mối để chỉnh sửa lại cho phù hợp.

Báo cáo, tài liệu CBTT sau khi được phê duyệt phải được chuyển ngay lập tức về Người được ủy quyền CBTT để thực hiện CBTT.

5.2.4. *Thực hiện CBTT*

Sau khi tài liệu CBTT được phê duyệt, Đơn vị đầu mối có trách nhiệm gửi tài liệu CBTT đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức liên quan và thông báo nội bộ theo các phương thức sau:

a. Công bố trên trang web của IBSC

Người được ủy quyền CBTT gửi tài liệu cho Phòng CNTT để đưa lên website và lấy đường link để cập nhật vào Công văn CBTT gửi UBCKNN và các SGDCK.

b. Thực hiện Gửi dữ liệu điện tử qua email CBTT/SCMS/CIMS

Gửi UBCKNN: gửi qua CSMS

Gửi HNX: gửi qua CIMS

Gửi HSX: gửi email cho nhân viên quản lý thành viên.

Riêng đối với các báo cáo, nội dung CBTT phải nhập dữ liệu trực tiếp vào hệ thống của cơ quan quản lý: Người công bố thông tin trực tiếp thực hiện

c. Thực hiện gửi tài liệu CBTT (bản cứng) qua đường bưu điện

Người được ủy quyền CBTT chuyển toàn bộ Báo cáo, tài liệu CBTT bản in có đầy đủ chữ ký, đóng dấu cho Phòng HCNS để gửi cho các cơ quan quản lý.

Phòng HCNS có trách nhiệm gửi bằng thư bảo đảm, có báo phát đến các cơ quan quản lý. Trong trường hợp khẩn cấp có thể trực tiếp mang đến để nộp.

5.2.5. *Bảo quản, lưu giữ thông tin, tài liệu CBTT*

Phòng hành chính, Người công bố Thông tin, Đơn vị đầu mối và Trung tâm CNTT (đối với dữ liệu điện tử) có trách nhiệm Bảo quản và lưu giữ thông tin, tài liệu CBTT theo Quy định của IBSC.

6. LƯU TRỮ

Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu trữ bằng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm tại trụ sở chính của IBSC. Các thông tin CBTT này phải được lưu trữ trên trang thông tin điện tử tối thiểu 05 năm.

Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.

Các đơn vị chịu trách nhiệm tài liệu theo quy định tại điểm 4.4 của quy trình này.

Phòng CNTT chịu trách nhiệm lưu trữ thông tin CBTT trên trang web của IBSC. Thời gian lưu trữ tối thiểu là 5 năm.

STT	Tên hồ sơ	Đơn vị lưu	Phương pháp	Thời gian lưu
1	Báo cáo tài chính năm, Bán niên, quý; BC TLVKD	Kế toán – Tài chính	Cặp tài liệu	10 năm
2	Giấy Ủy quyền CBTT (nếu có)	Văn phòng	Cặp tài liệu	10 năm
3	Văn bản CBTT khác	Văn phòng/Đơn vị đầu mối	Cặp tài liệu	10 năm
4	Dữ liệu điện tử	Người công bố Thông tin/Trung tâm CNTT	Ổ cứng	5 năm

7. PHỤ LỤC

STT	Mã số	Tên biểu mẫu/hướng dẫn
01	HD01-QT305	Hướng dẫn chế độ báo cáo CBTT
02	BM01-QT305	Công văn công bố thông tin

HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA IBSC

MÃ SỐ : HD01-QT305
LẦN BAN HÀNH/SỬA ĐỔI : 01/00
NGÀY BAN HÀNH : 30/09/2016
NGÀY SỬA ĐỔI GẦN NHẤT :/...../20.....
TỔNG SỐ TRANG :

	Soạn thảo	Kiểm tra	Phê duyệt
Họ và tên	DU VĂN TOÀN	NGUYỄN ANH TUẤN	NGUYỄN VĂN HẠNH
Vị trí	TRƯỞNG BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ	THÀNH VIÊN TIỂU BAN QTRR	TỔNG GIÁM ĐỐC
Ký tên		 	

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN ÁP DỤNG VỚI IBSC

A. BÁO CÁO, THÔNG BÁO:

STT	Tên báo cáo	Căn cứ PL	Mẫu biểu	Nơi nhận báo cáo	Thời hạn nộp báo cáo	Cung cấp thông tin	Đầu mối
A1	Báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính (*)						
1	Báo cáo TLATTC hàng tháng	TT165 +226	PL05	UBCKNN UBGSTCQG	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng	TCKT	KSNB
	Báo cáo bất thường khi không đáp ứng TLVKD					TCKT	KSNB
2	Báo cáo 02 lần/tháng khi TLVKD xuống dưới 180 % (vào ngày 15 và 30 hàng tháng)	TT165 +226	PL05	UBCKNN	Trong vòng 03 ngày làm việc sau ngày 15 và 30 hàng tháng.	TCKT	KSNB
3	Báo cáo TLATTC 01 lần/tuần khi TLVKD xuống dưới 150 %	TT165 +226	PL05	UBCKNN	Trước 16h thứ 6 hàng tuần	TCKT	KSNB
4	Báo cáo TLATTC hàng ngày khi TLVKD xuống dưới 120%	TT165 +226	PL05	UBCKNN	Trước 16h hàng ngày	TCKT	KSNB
A2	Báo cáo hoạt động của Công ty						
5	BC hoạt động tháng(*)	TT210	PL22	UBCKNN SGDCK UBGSTCQG	Trước ngày làm việc thứ 05 của tháng tiếp theo	MG, DVKH, HCNS, ĐT, IB	KSNB
6	BC hoạt động năm(*)	TT210	PL23	UBCKNN SGDCK UBGSTCQG	Trước ngày 20/1 của năm tiếp theo	MG, DVKH, HCNS, ĐT, IB	KSNB
A3	Báo cáo hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến						
7	Báo cáo hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến bán niên	70/QĐ-SGDHN	PL	SGDCK HN	Trước 15/7 hàng năm		IT
8	Báo cáo hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến 6 tháng cuối năm	70/QĐ-SGDHN	PL	SGDCK HN	Trước 15/1 hàng năm		IT
9	CTCK thực hiện nâng cấp, thay đổi.hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến	TT87		UBCKNN SGDCK	Tối thiểu 7 ngày làm việc sau khi công ty thực hiện nâng cấp hoặc thay đổi hệ thống GDCKTT		IT
10	Báo cáo hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến năm	TT87	PL10	UBCKNN SGDCK	Trước 31/1 hàng năm	DVKH	IT
A4	Báo cáo giao dịch ký quỹ						
11	Báo cáo danh mục CK ký quỹ tháng(*)	QĐ 637	PL03	SGDCK	trước ngày giao dịch thứ 5 của tháng tiếp theo		DVKH
12	Báo cáo danh mục CK ký quỹ Quý (*)	QĐ 309/HNX	PL03	SGDCK_HNX	Trong vòng 13 ngày làm việc đầu tiên của quý báo cáo.		DVKH

13	Báo cáo thực hiện GD ký quỹ quỹ. Báo cáo, tạm ngừng, chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ (*)	QĐ 637	PL01,PL02	UBCKNN SGDCK Website	Trong vòng 24 giờ kể từ khi có sự thay đổi		DVKH
A5	Báo cáo hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN)						
14	Báo cáo định kỳ hàng tháng số liệu thống kê về Tài khoản lưu ký và danh mục tài sản của NĐTNN	TT123	PL04	UBCKNN	Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng		DVKH
15	Báo cáo về hoạt động quản lý danh mục đầu tư/chỉ định đầu tư cho NĐTNN	TT123	PL05	UBCKNN	Báo cáo tháng: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng		TCKT
16	Báo cáo tình hình hoạt động đầu tư của NĐTNN (theo chỉ định cho NĐTNN)	TT123	PL06	UBCKNN	48 giờ kể từ khi có yêu cầu của UBCKNN.		TCKT
A6	Báo cáo quản trị rủi ro						
17	Báo cáo quản trị rủi ro 6 tháng và năm	QĐ105	PL đính kèm	UBCKNN	Trước ngày 30/07 hàng năm		QTRR
18	Báo cáo chính sách quản trị rủi ro	QĐ105	Mẫu tự lập	UBCKNN	Trước ngày 31/1 hàng năm		QTRR
A7	Báo cáo về giao dịch chứng khoán						
19	Báo cáo về đóng mở TK(*)	QĐ309/HNX QĐ04/HSX	Mẫu HNX, HSX	SGDCK_HNX SGDCK_HSX	Trong vòng 05 ngày làm việc của tháng tiếp theo		DVKH
20	Báo cáo uỷ quyền KH(*)	QĐ309/HNX QĐ04/HSX	Mẫu HNX, HSX	SGDCK_HNX SGDCK_HSX	Trong vòng 05 ngày làm việc của tháng tiếp theo		DVKH
21	Báo cáo số dư tiền của NĐT(*)	TT210	PL17	UBCKNN	Ngày làm việc đầu tiên tuần tiếp theo		DVKH
A8	Báo cáo khác						
22	Báo cáo tài sản có – tài sản nợ(*) Tháng	NĐ82	PL03 (Biểu số 3.4)	NHNN UBGSTCQG	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc háng		TCKT
23	Báo cáo tài sản có – tài sản nợ(*) Quý	NĐ82	PL03 (Biểu số 3.4)	NHNN UBGSTCQG	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày kết thúc Quý		TCKT
24	Báo cáo về tình hình đầu tư chứng khoán	TT 146/BTC	PL 1, PL2	UBCK NN	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính		TCKT
25	BC tình hình xử lý và trạng thái các HĐ hỗ trợ vốn	CV số 732/ UBCK ngày 25/02/2014		UBCKNN	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý		TCKT
26	Báo cáo định kỳ hạ tầng kết nối tới HNX	525/QĐ- SGD-HNX	Mẫu 01	SGDCK	1 năm 1 lần, muộn nhất ngày 31/1 của năm tiếp theo		IT

27	Vay, đầu tư vượt quá hạn mức quy định tại Điều 42 và Điều 44 Thông tư 210(*)	TT210 +TT07		UBCKNN	Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh sự kiện	TCKT	TCKT
28	Ngày trụ sở chính CTCK, chi nhánh, phòng giao dịch khai trương hoạt động	TT210 +TT07		UBCKNN	Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh sự kiện		HCNS
29	Báo cáo danh sách chứng chỉ hành nghề năm(*)	TT197	PL IV	UBCKNN	Trước 20/1 hằng năm		HCNS
30	Thông báo về việc IBSC ký kết hoặc chấm dứt HĐLĐ với người hành nghề chứng khoán, người HNCK vi phạm pháp luật.	TT197	PL VI	UBCKNN	02 ngày làm việc kể từ thời điểm phát sinh.		HCNS
31	Báo cáo khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết nếu IBSC là người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ	TT155	PL 10	UBCKNN SGDCK, TCNY, ĐKGD CTQLQ	Trong vòng 24h kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi		DVKH
32	Công ty chứng khoán phải thông báo tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của công ty. Trường hợp cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, công ty chứng khoán phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ.	TT155		Trụ sở chính Chi nhánh, VPĐD Website IBSC	Khi có sự thay đổi	DVKH	DVKH

B. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

STT	Nội dung CBTT	Căn cứ	Mẫu biểu	Nơi công bố	Thời hạn công bố	Đầu mối
B1	Báo cáo tài chính và tỉ lệ an toàn tài chính					
33	BCTC Quý công ty mẹ BCTC Quý hợp nhất	TT155 TT210		UBCKNN SGDCK UBGSTCQG Website	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 30 ngày , kể từ ngày kết thúc quý.	TCKT

34	BCTC bán niên công ty mẹ đã được soát xét BCTC bán niên hợp nhất đã được soát xét Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;	TT155 TT210		UBCKNN SGDCK UBGSTCQG Website	05 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 60 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	TCKT
35	Báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính bán niên đã được soát xét	VBHN09 TT155 TT210	PL05	UBCKNN SGDCK UBGSTCQG Website	Theo thời hạn CBTT BCTC bán niên	TCKT
36	BCTC năm của công ty mẹ đã được kiểm toán, BCTC năm hợp nhất đã kiểm toán Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính (có ý kiến lưu ý, ngoại trừ...), IBSC phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình.	TT155 TT210		UBCKNN SGDCK UBGSTCQG Website IBSC	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BCKT và không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm khi có đề nghị bằng văn bản của Công ty, nhưng tối đa không quá 100 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	TCKT
37	Báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính bán niên đã được soát xét	VBHN09 TT155 TT210	PL05	UBCKNN SGDCK UBGSTCQG Website	Theo thời hạn CBTT BCTC cả năm	TCKT
38	Giải trình nguyên nhân: - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kể từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại; - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo	TT155		UBCKNN SGDCK UBGSTCQG Website	Theo thời hạn công bố BCTC quý, bán niên, cả năm.	TCKT

	có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên					
B2	Báo cáo quản trị công ty, Đại hội cổ đông					
39	Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng	TT155	PL05	UBCKNN SGDCK Website	Trước ngày 30/7	Thư ký HĐQT
40	Báo cáo tình hình quản trị công ty cả năm	TT155	PL05	UBCKNN SGDCK Website	Trước ngày 31/1	Thư ký HĐQT
B3	Họp đại hội cổ đông thường niên, bất thường					
41	Công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên/bất thường, bao gồm: Thông báo mời họp Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp Chương trình họp Phiếu Biểu quyết, bầu cử, đơn đề cử, ứng cử v.v.. Tài liệu họp ĐHĐCĐ khác có liên quan	TT155		Website IBSC UBCKNN SGDCK	Trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ chậm nhất 10 ngày;	Thư kí HĐQT
42	Công bố biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên/bất thường;	TT155		Website IBSC UBCKNN SGDCK	Trong vòng 24h	Thư kí HĐQT
B5	Hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn					
43	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn trong trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư	TT155		UBCKNN Website IBSC	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (định kỳ 6 tháng)	TCKT
B6	Báo cáo khác					
44	Báo cáo thường niên	TT155	PL04	UBCKNN SGDCK Website IBSC	Trong vòng 20 ngày sau khi công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	QTRR
45	Công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	TT155		SGDCK Website IBSC TTLKCK	Ngay sau khi xảy ra sự kiện.	Thư ký HĐQT

C. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG, VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC

STT	Nội dung CBTT	Căn cứ PL	Mẫu biểu	Phương tiện công bố	Thời hạn công bố	Đầu mối
46	Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp	TT155		UBCKNN SGDCK Website	Bất thường 24h	

	phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty					
47	Tạm ngưng một phần hoặc toàn bộ hoạt động KD, bổ sung hoặc rút bớt nghiệp vụ KD, bị đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép hoạt động.	TT155		UBCKNN SGDCK Website	Bất thường 24h	HCNS
48	Thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán	TT155		UBCKNN SGDCK Website	Bất thường 24h	Khối IB
49	Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ (bao gồm NQ, BB hợp hoặc BB kiểm phiếu). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, phải CBTT về việc hủy NY kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	TT155		UBCKNN SGDCK Website	Bất thường 24h	Thư ký HDQT
50	Quyết định mua hoặc bán CP quỹ, ngày thực hiện quyền mua của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua CP, hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu sang CP.	TT155		UBCKNN SGDCK Website	Bất thường 24h	Tự doanh
51	Quyết định chào bán CK ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán CK theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	TT155		UBCKNN SGDCK Website	Bất thường 24h	Khối IB
52	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức, tách, gộp cổ phiếu	TT155		UBCKNN SGDCK Website	Bất thường 24h	Khối IB
53	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia tách, hợp nhất, sáp nhập..) giải thể doanh nghiệp, thay đổi tên công ty, thay đổi con dấu, địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch.	TT155		UBCKNN SGDCK Website	Bất thường 24h	HCNS
54	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	TT155		UBCKNN SGDCK Website	Bất thường 24h	Thư ký HDQT
55	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp phải thay đổi do quy định của pháp luật). Thông báo ký hợp đồng kiểm toán BCTC hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán. DN kiểm toán từ chối kiểm toán BCTC của Công ty. Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC, ý kiến không phải là chấp thuận toàn phần của	TT155		UBCKNN SGDCK Website	Bất thường 24h	TCKT

56	kiểm toán viên đối với BCTC được kiểm toán. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh liên kết hoặc bán để giảm sở hữu dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;	TT155		UBCKNN SGDCK Website	Bất thường 24h	Tự doanh
57	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;	TT155		UBCKNN SGDCK Website	Bất thường 24h	Thư ký HĐQT
58	Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;	TT155		UBCKNN SGDCK Website	Bất thường 24h	Khối IB
59	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành do phát hành thêm hoặc mua bán CP quỹ.	TT155		UBCKNN SGDCK Website	24h sau khi kết thúc việc chào bán hoặc hoàn tất GD mua bán CP quỹ.	Khối IB+Tự doanh
60	Thay đổi số CP có quyền biểu quyết đang lưu hành do: Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch.	TT155		UBCKNN SGDCK	Trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.	Tự doanh
61	Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung;	TT155		UBCKNN SGDCK	Bất thường 24h	HCNS
62	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	TT155	PL03	UBCKNN SGDCK	Bất thường 24h, ngoài ra: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, SGDCK nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ	HCNS

					mới (nếu có).	
63	Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;	TT155		UBCKNN SGDCK	Bất thường 24h	HCNS
64	Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;	TT155		UBCKNN SGDCK	Bất thường 24h	HCNS+ TCKT
65	Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét. Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét, công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo BCTC năm gần nhất đã kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét;	TT155		UBCKNN SGDCK	Bất thường 24h	TCKT
66	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	TT155		UBCKNN SGDCK	Bất thường 24h	HCNS
67	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;	TT155		UBCKNN SGDCK	Bất thường 24h	HCNS
68	Vốn CSH hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên so với BCTC được kiểm toán hoặc BCTC được soát xét gần nhất.	TT155/Điều 12		UBCKNN SGDCK	Bất thường 24h	TCKT
69	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét;	TT155/Điều 12		UBCKNN SGDCK	Bất thường 24h	Khối IB Tự doanh

	quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.				
70	Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	TT155		UBCKNN SGDCK	Bất thường 24h Khối IB
71	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, người hành nghề chứng khoán của công ty; khi Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ bị thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán;	TT155/Điều 18		UBCKNN SGDCK	Bất thường 24h HCNS
72	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt công ty vào diện kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động;	TT155		UBCKNN SGDCK	24h HCNS
73	Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng;	TT155		UBCKNN SGDCK	24h Tự doanh

74	Khi nhận được quyết định chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đóng, thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước hoặc nước ngoài.	TT155		UBCKNN SGDCK	24h	HCNS
C1	IBSC là cổ đông lớn của CTĐC/nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên CCQ của quỹ đại chúng dạng đóng					
75	IBSC trở thành cổ đông lớn,/ nhà đầu tư sở hữu từ 5% CCQ hoặc không còn là cổ đông lớn/ nhà đầu tư sở hữu từ 5% CCQ.	TT155	PL 06	UBCKNN SGDCK CTĐC/CTQLQ	07 ngày kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn	Tự doanh
76	IBSC thay đổi tỷ lệ sở hữu vượt các ngưỡng 01% số cổ phiếu/CCQ có quyền biểu quyết	TT155	PL 07	UBCKNN SGDCK CTĐC/CTQLQ	07 ngày kể từ ngày có sự thay đổi	Tự doanh
C2	IBSC là cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng					
77	Trước khi giao dịch	TT155	PL08	UBCKNN SGDCK, TCNY, ĐKGD CTQLQ	CBTT trước khi thực hiện GD: 03 ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch	Tự doanh
78	Sau khi kết thúc giao dịch	TT155	PL09	UBCKNN SGDCK, TCNY, ĐKGD CTQLQ	03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất GD	Tự doanh
79	Khi không thực hiện giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đã đăng ký (báo cáo lý do)	TT155		UBCKNN SGDCK, TCNY, ĐKGD CTQLQ	03 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến GD	Tự doanh
C3	IBSC là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu IBSC đồng thời là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đại chúng thì thực hiện CBTT như đối với người nội bộ và người có liên quan)					
80	Trước khi thực hiện giao dịch	TT155	PL10 PL11	UBCKNN SGDCK TCNY/ĐKGD/CTQLQ	CBTT trước khi thực hiện GD: 03 ngày làm việc Thực hiện GD trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký và sau 24 giờ kể từ khi có CBTT của SGDCK	Tự doanh
81	Sau khi hoàn tất giao dịch	TT155	PL12 PL13	UBCKNN SGDCK TCNY/ĐKGD/CTQLQ	03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất GD	Tự doanh
	Khi không thực hiện giao dịch hoặc không	TT155	PL12	UBCKNN	03 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến	

Chế độ CBTT của IBSC

82	thực hiện hết khối lượng đã đăng ký (nêu rõ lý do)		PL13	SGDCK TCNY/ĐKGD/CTQLQ	GD	
C4 IBSC giao dịch cổ phiếu quỹ						
83	Trước khi giao dịch	TT162	PL24	UBCKNN SGDCK Phương tiện TTĐC	07 ngày làm việc kể từ ngày UBCK thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu. Giao dịch được thực hiện ít nhất sau 7 ngày làm việc kể từ ngày Công ty CBTT	Tự doanh
84	Sau khi kết thúc giao dịch	TT162	PL25	UBCKNN SGDCK Phương tiện TTĐC	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch	Tự doanh
	Khi không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến mua lại (báo cáo lý do)	TT162		UBCKNN SGDCK Phương tiện TTĐC	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến GD	Tự doanh
85	Sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị TS được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10%	TT 155		Các chủ nợ Website IBSC	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	TCKT
86	Quyết định thay đổi giao dịch cổ phiếu quỹ	TT 162	PL26 PL27	UBCKNN SGDCK Phương tiện TTĐC Website cty	24h	Tự doanh
C5 IBSC chào mua công khai						
87	CBTT đăng ký chào mua công khai	NĐ58/CP, TT162	PL29	UBCKNN Cty mục tiêu CTQLQ quỹ đầu tư mục tiêu		Khối IB
88	CBTT thực hiện giao dịch chào mua công khai	TT162		UBCK 01 trang báo ĐT hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp SGDCK (TH mua CK TCNY)	7 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBCKNN	Tự doanh
89	CBTT kết quả đợt chào mua công khai	TT162	PL30	UBCKNN SGDCK ĐT thông tin đại chúng	05 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai	Tự doanh
90	Trường hợp rút lại đề nghị chào mua công khai	TT 162		UBCKNN, 01 trang báo điện tử hoặc 1 tờ báo viết trong 3 số liên tiếp	Sau khi được UBCKNN chấp thuận	Tự doanh
C6 IBSC chào bán chứng khoán ra công chúng						

91	Công bố Bản thông báo phát hành	TT162PL 11, 12		SGDCK, 01 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 3 số liên tiếp Website IBSC công bố cả Bán cáo bạch chính thức	Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày GCN chào bán CK ra công chúng có hiệu lực	Khối IB
92	Báo cáo KQ đợt chào bán CK kèm theo bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong toả về số tiền thu được trong đợt chào bán (ngoại trừ trường hợp phát hành CK để hoán đổi)	TT162PL 13, 14		UBCKNN	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Khối IB
C7	IBSC chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư	Công ty thực hiện CBTT từ khi phát hành trái phiếu ra công chúng cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán, bao gồm:				
93	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn trong trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư	TT155		UBCKNN Website IBSC	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (định kỳ 6 tháng)	Phòng tài chính kế toán
94	Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn,	TT155		UBCKNN Website IBSC	10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này. Báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.	Khối IB
95	Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc: CBTT về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi	TT155		UBCKNN Website IBSC Thông báo tới từng trái chủ	Chậm nhất 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu	Khối IB
C8	Các trường hợp khác					
96	CBTT về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông	TT155			10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Khối IB
97	Khi bị đình chỉ một hoặc một số hoạt động kinh doanh chứng khoán Bị mất khả năng thanh toán hoặc có khả năng phá sản, giải thể	Quy chế thành viên HNX		SGDCKHN Website IBSC	24h	HCNS
98	Công bố báo cáo tài chính sau khi có những thay đổi sau: - Thay đổi báo cáo tài chính sau khi; - Sau khi chia tách, sáp nh sau khi có nữ.	TT155		UBCKNN SGDCK Website IBSC	10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán	TCKT
C9	CBTT Theo yêu cầu					
99	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	TT155		UBCKNN SGDCK Website IBSC	24h kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi IBSC niêm yết, đăng ký.	TGD chỉ định



100	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	TT155		UBCKNN SGDCK Website IBSC	24h kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi IBSC niêm yết, đăng ký.	TGD chỉ định
-----	---	-------	--	------------------------------	---	--------------